



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013
HUYỆN HẢI LĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số *M* /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	
	Tính giao	Địa phương giao		QT/DT tính giao 5=4/2	QT/DT ĐP giao 6=4/3
I	2	3	4		
Tổng chi ngân sách địa phương	240.508.000.000	245.928.000.000	306.148.834.674	127%	124%
A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	240.508.000.000	245.928.000.000	298.144.388.043	124%	121%
I. Chi đầu tư phát triển	11.357.000.000	16.357.000.000	35.523.276.125	313%	217%
1. Chi đầu tư XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.357.000.000	6.357.000.000	8.345.240.625	131%	131%
Trong đó:					
- Chi XDCB tập trung phân bổ	4.857.000.000	4.857.000.000	6.845.240.625	141%	141%
- Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	100%	100%
2. Chi từ nguồn thu tiền đấu giá đất	5.000.000.000	10.000.000.000	19.385.260.500	388%	194%
3. Chi từ nguồn TW hỗ trợ có địa chỉ chi					
4. Chi thực hiện CT KCHKM cấp 2 và BTHGTNT			4.298.251.000		
5. Chi thực hiện CT MTQG XD nông thôn mới			1.839.612.000		
6. Chi đầu tư thực hiện các chương trình, NV khác			1.654.912.000		
II. Chi thường xuyên	224.445.000.000	224.865.000.000	262.621.111.918	117%	117%
1. Chi Quốc phòng - An ninh	5.442.000.000	5.442.000.000	4.921.298.639	90%	90%
- Chi Quốc phòng	4.755.000.000	4.755.000.000	3.806.888.060	80%	80%
- Chi An ninh	687.000.000	687.000.000	1.114.410.579	162%	162%
2. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	128.076.000.000	128.076.000.000	128.428.004.089	100%	100%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	127.265.000.000	127.265.000.000	126.443.442.109		
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	811.000.000	811.000.000	1.984.561.980		
3. Chi sự nghiệp Dân số & KHH GD	443.000.000	461.192.000	14.659.677.000		
4. Chi sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	1.078.000.000	1.225.612.000	1.385.530.188	129%	113%
5. Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	618.000.000	679.956.000	734.049.918	119%	108%
6. Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	624.000.000	675.142.000	1.655.263.000	265%	245%
7. Chi Bảo đảm xã hội	14.507.000.000	14.507.000.000	15.387.975.469	106%	106%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	6.419.000.000	6.419.000.000	18.820.223.000	293%	293%
9. Chi sự nghiệp môi trường	2.495.000.000	2.495.000.000	1.809.730.000	73%	73%
10. Chi Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	64.192.000.000	64.333.098.000	72.853.350.245	113%	113%
11. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			1.212.000.000		
12. Chi khác ngân sách	551.000.000	551.000.000	754.010.370	137%	137%
III. Chi dự phòng ngân sách (*)	4.706.000.000	4.706.000.000			
B. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			5.156.895.700		
C. Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			2.847.550.931		
D. Chi nộp ngân sách cấp trên					

Ghi chú: (*) Chi dự phòng: 2.822.383.000 đồng, được quyết toán ở các sự nghiệp: Chi quốc phòng: 165.975.000 đồng; Chi an ninh: 6.100.000 đồng; SN văn hóa - thông tin: 274.840.000 đồng; SN phát thanh - truyền hình: 42.700.000 đồng; SN thể dục, thể thao: 72.400.000 đồng; SN Dân số: 19.600.000 đồng; Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể: 1.858.468.000 đồng; Chi khác: 256.300.000 đồng; Chi chuyển giao NS xã: 126.000.000 đồng.

26



**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN HẢI LĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

S TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	21.450.000.000	26.870.000.000	33.353.228.228	155%	124%
1	Thu nội địa	21.450.000.000	26.870.000.000	33.353.228.228	155%	124%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
B	Thu ngân sách huyện	240.508.000.000	245.928.000.000	328.278.327.440	136%	133%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	19.980.000.000	25.400.000.000	31.760.270.513	159%	125%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	6.520.000.000	11.940.000.000	18.777.226.827	288%	157%
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách	13.460.000.000	13.460.000.000	12.983.043.686	96%	96%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	220.528.000.000	220.528.000.000	270.518.382.000	123%	123%
	- Bổ sung cân đối	220.528.000.000	220.528.000.000	220.528.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			49.990.382.000		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			334.300.000		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước			22.817.823.996		
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			2.847.550.931		
C	Chi ngân sách huyện	240.508.000.000	245.928.000.000	306.148.834.674	127%	124%
1	Chi đầu tư phát triển	11.357.000.000	16.357.000.000	35.523.276.125	313%	217%
2	Chi thường xuyên	224.445.000.000	224.865.000.000	262.621.111.918	117%	117%
3	Chi dự phòng	4.706.000.000	4.706.000.000			
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau			5.156.895.700		
5	Chi nộp ngân sách cấp trên					
6	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi quản lý qua NSNN			2.847.550.931		

21

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN HẢI LĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán ĐP	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	241.730.600.000	320.440.703.001	133%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	21.202.600.000	26.422.371.906	125%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	10.290.000.000	15.928.444.127	155%
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách	10.912.600.000	10.493.927.779	96%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	220.528.000.000	270.518.382.000	123%
	- Bổ sung cân đối	220.528.000.000	220.528.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		49.990.382.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		20.318.098.164	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		334.300.000	
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			
6	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN		2.847.550.931	
II	Chi ngân sách cấp huyện	241.730.600.000	300.165.167.380	124%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp huyện theo phân cấp (không kể BS cho NS xã, phường, thị trấn)	191.338.000.000	243.129.343.449	127%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	50.392.600.000	54.188.273.000	108%
	- Bổ sung cân đối	48.047.600.000	47.443.500.000	99%
	- Bổ sung có mục tiêu	2.345.000.000	6.744.773.000	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			
4	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN		2.847.550.931	
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện			
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	54.590.000.000	62.025.897.439	114%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	4.197.400.000	5.337.898.607	127%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	1.650.000.000	2.848.782.700	173%
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách	2.547.400.000	2.489.115.907	98%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	50.392.600.000	54.188.273.000	108%
	- Bổ sung cân đối	48.047.600.000	47.443.500.000	99%
	- Bổ sung có mục tiêu	2.345.000.000	6.744.773.000	
3	Thu thu kết dư ngân sách năm trước		2.499.725.832	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			
5	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	54.590.000.000	60.171.940.294	110%

2/1

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013

HUYỆN CAM LỘ

(Kèm theo Nghị quyết số *M* /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
Tổng số	149.651.000.000	149.651.000.000	200.515.987.023	134%	134%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	14.400.000.000	14.400.000.000	22.209.043.379	154%	154%
I. Thu nội địa	14.400.000.000	14.400.000.000	22.209.043.379	154%	154%
<i>Trong đó: NSDP hưởng</i>	<i>14.200.000.000</i>	<i>14.200.000.000</i>	<i>21.793.043.972</i>	<i>153%</i>	<i>153%</i>
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	8.020.000.000	8.020.000.000	7.906.022.297	99%	99%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100.504.600		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000.000	40.000.000	112.846.535	282%	282%
4. Thuế tiền sử dụng đất	2.000.000.000	2.000.000.000	7.336.724.300	367%	367%
5. Thu tiền cho thuê đất	160.000.000	160.000.000	615.198.952	384%	384%
6. Lệ phí trước bạ	2.660.000.000	2.660.000.000	2.836.540.715	107%	107%
7. Thu phí, lệ phí	600.000.000	600.000.000	625.508.011	104%	104%
+ <i>Trung ương</i>	<i>169.000.000</i>	<i>169.000.000</i>	<i>176.428.511</i>	<i>104%</i>	
+ <i>Tỉnh</i>	<i>31.000.000</i>	<i>31.000.000</i>	<i>2.643.000</i>	<i>9%</i>	
+ <i>Huyện, xã, phường</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>	<i>446.436.500</i>	<i>112%</i>	<i>112%</i>
8. Thuế thu nhập cá nhân	520.000.000	520.000.000	704.223.745	135%	135%
9. Thu khác ngân sách	50.000.000	50.000.000	1.508.063.424		
+ Thu phạt, tịch thu khác			627.053.946		
+ Thu bán, thanh lý tài sản			340.415.000		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng					
+ Các khoản thu đóng góp			0		
+ Thu khác còn lại			501.056.678		
+ Thu hồi khoản chi năm trước			39.537.800		
10. Thu tại xã	350.000.000	350.000.000	463.410.800	132%	132%
+ Thu phạt, tịch thu			53.000.000		
+ Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			410.410.800		
+ Thu khác			0		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.251.000.000	135.251.000.000	158.433.663.000		
- <i>Thu bổ sung cân đối</i>	<i>135.251.000.000</i>	<i>135.251.000.000</i>	<i>135.251.000.000</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
- <i>Thu BS ngoài KH</i>			<i>23.182.663.000</i>		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			8.950.402.520		
<i>Trong đó:</i>					
+ <i>Kết dư ngân sách cấp huyện</i>			<i>5.771.850.411</i>		
+ <i>Kết dư ngân sách xã</i>			<i>3.178.552.109</i>		
D. Thu chuyên nguồn năm trước sang			8.395.458.735		
E. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			2.527.419.389		

26



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013
HUYỆN CAM LỘ**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
Tổng số	149.451.000.000	149.451.000.000	185.472.802.359	124%	124%
A. Tổng chi cân đối NSDP	149.451.000.000	149.451.000.000	174.188.042.757	117%	117%
I. Chi đầu tư phát triển	6.803.000.000	6.803.000.000	17.804.530.848	262%	262%
1. Chi đầu tư XDCB	6.803.000.000	6.803.000.000	12.272.952.000	180%	180%
<i>Tr.đó: - Chi XDCB tập trung</i>	<i>3.803.000.000</i>	<i>3.803.000.000</i>	<i>4.522.018.000</i>	<i>119%</i>	<i>119%</i>
<i>- Chi từ nguồn thu sử dụng đất</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>5.910.129.000</i>		
<i>- Trung ương hỗ trợ có địa chỉ chi</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.840.805.000</i>		
<i>- Chi công trình xây dựng cơ bản khác</i>					
<i>- Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT</i>					
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM			2.718.707.348		
3. Chi đầu tư thực hiện các chương trình, DA và một số nhiệm vụ khác			1.724.438.000		
4. Chi đầu tư thực hiện chương trình nông			1.088.433.500		
II. Chi thường xuyên	139.765.000.000	139.765.000.000	156.383.511.909	112%	112%
1. Chi an ninh-quốc phòng	3.674.000.000	3.674.000.000	5.190.090.911	141%	141%
<i>- Chi an ninh</i>	<i>741.000.000</i>	<i>741.000.000</i>	<i>2.398.566.341</i>		
<i>- Chi quốc phòng</i>	<i>2.933.000.000</i>	<i>2.933.000.000</i>	<i>2.791.524.570</i>		
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	78.843.000.000	78.843.000.000	80.601.892.270	102%	102%
<i>- Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>77.464.000.000</i>	<i>77.464.000.000</i>	<i>78.887.146.570</i>		
<i>- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1.379.000.000</i>	<i>1.379.000.000</i>	<i>1.714.745.700</i>		
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	526.000.000	526.000.000	8.079.393.370		
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.462.000.000	1.462.000.000	937.907.970	64%	64%
5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	345.000.000	345.000.000	595.531.340	173%	173%
6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	437.000.000	437.000.000	702.655.970	161%	161%
7. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	7.744.000.000	7.744.000.000	7.092.804.306	92%	92%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	6.010.000.000	6.010.000.000	6.728.698.750	112%	112%
9. Chi sự nghiệp môi trường	1.991.000.000	1.991.000.000	1.421.546.400	71%	71%
10. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	38.355.000.000	38.355.000.000	44.293.341.175	115%	115%
11. Chi khác ngân sách	378.000.000	378.000.000	738.684.447		
12. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			965.000		
III. Chi dự phòng ngân sách (*)	2.883.000.000	2.883.000.000			
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau			7.049.240.213		
C. Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			2.527.419.389		
D. Chi nộp ngân sách cấp trên			1.708.100.000		

Ghi chú: (*) Chi dự phòng: 2.883.000.000 đồng được quyết toán ở các sự nghiệp cụ thể: Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin: 50.000.000 đồng; Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình: 3.720.000 đồng; Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao: 30.000.000 đồng; Chi Quản lý hành chính: 846.902.000 đồng; Chi An ninh - Quốc phòng: 495.000.000 đồng; Chi bổ sung cho ngân sách xã: 464.423.102 đồng; Chi khác ngân sách: 78.475.000 đồng

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN CAM LỘ
 (Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
A	B	1	2	3	4 = 3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)	14.400.000.000	14.400.000.000	22.209.043.379	154%	154%
1	Thu nội địa	14.400.000.000	14.400.000.000	22.209.043.379	154%	154%
B	Thu ngân sách huyện	149.451.000.000	149.451.000.000	200.099.987.616	134%	134%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	14.200.000.000	14.200.000.000	21.793.043.972	153%	153%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	2.960.000.000	2.960.000.000	10.137.142.630	342%	342%
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	11.240.000.000	11.240.000.000	11.655.901.342	104%	104%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	135.251.000.000	135.251.000.000	158.433.663.000		
	- Bổ sung cân đối	135.251.000.000	135.251.000.000	135.251.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			23.182.663.000		
3	Thu chuyên nguồn ngân sách năm trước			8.395.458.735		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước			8.950.402.520		
5	Các khoản thu để lại đơn vị QL qua NSNN			2.527.419.389		
C	Chi ngân sách huyện	149.451.000.000	149.451.000.000	185.472.802.359	124%	124%
1	Chi đầu tư phát triển	6.803.000.000	6.803.000.000	17.804.530.848	262%	262%
2	Chi thường xuyên	139.765.000.000	139.765.000.000	156.383.511.909	112%	112%
3	Dự phòng	2.883.000.000	2.883.000.000			
4	Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi QL qua NSNN			2.527.419.389		
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			7.049.240.213		
6	Chi nộp lên ngân sách cấp trên			1.708.100.000		

26

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN CAM LỘ**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/M /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán địa phương giao	Quyết toán	So sánh QT/DT địa phương giao(%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	146.086.000.000	193.390.458.912	132%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	10.835.000.000	18.305.630.377	169%
	<i>Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%</i>	<i>2.360.000.000</i>	<i>9.354.968.030</i>	<i>396%</i>
	<i>Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	<i>8.475.000.000</i>	<i>8.950.662.347</i>	<i>106%</i>
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	135.251.000.000	158.433.663.000	
	- Bổ sung cân đối	135.251.000.000	135.251.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		23.182.663.000	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		8.351.895.735	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		5.771.850.411	
5	Các khoản thu để lại đơn vị QL qua NSNN		2.527.419.389	
II	Chi ngân sách cấp huyện	146.086.000.000	181.056.999.130	124%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	120.663.000.000	148.393.558.741	123%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	25.423.000.000	28.427.921.000	
	- Bổ sung cân đối	25.423.000.000	25.423.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		3.004.921.000	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		1.708.100.000	
4	Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi QL qua NSNN		2.527.419.389	
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện			
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	28.788.000.000	35.137.449.704	122%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.365.000.000	3.487.413.595	104%
	<i>Các khoản thu NS xã hưởng 100%</i>	<i>600.000.000</i>	<i>782.174.600</i>	<i>130%</i>
	<i>Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	<i>2.765.000.000</i>	<i>2.705.238.995</i>	<i>98%</i>
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	25.423.000.000	28.427.921.000	
	- Bổ sung cân đối	25.423.000.000	25.423.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		3.004.921.000	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		3.178.552.109	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		43.563.000	
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	28.788.000.000	32.843.724.229	114%

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013
HUYỆN ĐAKRÔNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
Tổng số	209.424.000.000	209.424.000.000	354.862.778.035	169%	169%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	7.050.000.000	7.050.000.000	17.550.813.414	249%	249%
I. Thu nội địa	7.050.000.000	7.050.000.000	17.550.813.414	249%	249%
<i>Trong đó: NSDP hưởng</i>	<i>6.050.000.000</i>	<i>6.050.000.000</i>	<i>17.347.783.646</i>	<i>287%</i>	<i>287%</i>
1. Thu từ công thương nghiệp (NQD)	4.470.000.000	4.470.000.000	6.607.170.304	148%	148%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			2.260.000		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			5.246.205		
4. Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	500.000.000	3.688.035.100		
5. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000.000	10.000.000	20.605.600	206%	206%
6. Lệ phí trước bạ	1.100.000.000	1.100.000.000	1.275.037.950	116%	116%
7. Thuế bảo vệ môi trường					
8. Thu phí, lệ phí	750.000.000	750.000.000	714.868.877	95%	95%
- Thu phí, lệ phí Trung ương			23.476.168		
- Thu phí, lệ phí tỉnh			13.030.000		
- Thu phí, lệ phí huyện, xã	750.000.000	750.000.000	678.362.709		
9. Thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc SHNN			52.500.000		
10. Thuế thu nhập cá nhân	170.000.000	170.000.000	899.237.919		
11. Thu khác ngân sách	50.000.000	50.000.000	4.244.467.055		
- Thu phạt, tịch thu khác			329.700.000		
- Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			264.339.500		
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng					
- Thu các khoản huy động đóng góp (Viettel)			3.444.904.000		
- Thu hồi khoản chi năm trước			101.575.900		
- Thu khác còn lại			103.947.655		
12. Thu tại xã			41.384.404		
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công					
- Thu phạt, tịch thu khác			15.200.000		
- Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác					
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng					
- Thu các khoản huy động đóng góp					
- Thu hồi khoản chi năm trước					
- Thu khác còn lại			26.184.404		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	202.374.000.000	202.374.000.000	308.450.679.000	152%	152%
1. Thu bổ sung cân đối	202.374.000.000	202.374.000.000	202.374.000.000	100%	100%
2. Thu bổ sung ngoài kế hoạch			106.076.679.000		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			23.628.616.891		
- Thu kết dư NS cấp huyện			22.468.584.904		
- Thu kết dư NS xã			1.160.031.987		
D. Thu chuyển nguồn			5.232.668.730		
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					
F. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN					

21



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013
HUYỆN ĐẮK RỒNG**

(Kèm theo Nghị quyết số AA /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị 1

NỘI DUNG CHI	Dự toán		Quyết toán	So sánh Q QT/DT tính giao
	Tỉnh giao	Địa phương giao		
1	2	3	4	5=4/2
Tổng chi ngân sách địa phương	208.424.000.000	208.424.000.000	331.639.086.574	159%
A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	208.424.000.000	208.424.000.000	325.659.721.250	156%
I. Chi đầu tư phát triển	7.391.000.000	7.391.000.000	58.247.991.882	
1. Chi đầu tư XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.891.000.000	6.891.000.000	8.331.775.000	121%
<i>Trong đó:</i>				
- Chi XDCB tập trung phân bổ	6.591.000.000	6.591.000.000	8.034.763.000	122%
- Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT				
- Chi từ nguồn TW hỗ trợ có địa chỉ chi	300.000.000	300.000.000	297.012.000	99%
2. Chi từ nguồn thu tiền đấu giá đất	500.000.000	500.000.000	3.260.615.000	
3. Chi thực hiện CT KCHKM cấp 2 và BTHGTNT			799.406.000	
4. Chi đầu tư từ nguồn Viettel hỗ trợ			5.352.991.000	
5. Chi đầu tư các xã biên giới (QĐ 160)			2.025.071.000	
6. Chi thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP			36.198.770.000	
7. Chi thực hiện CT MTQG XD nông thôn mới			1.084.956.000	
8. Chi thực hiện CT mục tiêu, nhiệm vụ khác			1.194.407.882	
II. Chi thường xuyên	196.984.000.000	196.984.000.000	267.411.729.368	136%
1. Chi Quốc phòng - An ninh	5.638.000.000	5.638.000.000	7.494.879.310	133%
- Chi Quốc phòng	4.972.000.000	4.972.000.000	6.002.389.180	
- Chi An ninh	666.000.000	666.000.000	1.492.490.130	
2. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	110.507.000.000	110.507.000.000	130.534.428.300	118%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	109.406.000.000	109.406.000.000	128.251.105.000	
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	1.101.000.000	1.101.000.000	2.283.323.300	
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	367.000.000	367.000.000	19.743.255.890	
4. Chi sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	1.128.000.000	1.128.000.000	1.122.995.000	100%
5. Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	1.331.000.000	1.331.000.000	2.083.639.000	157%
6. Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	671.000.000	671.000.000	784.170.000	117%
7. Chi Bảo đảm xã hội	3.410.000.000	3.410.000.000	4.465.066.534	131%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	5.884.000.000	5.884.000.000	5.102.561.000	87%
9. Chi sự nghiệp môi trường	507.000.000	507.000.000	533.488.000	105%
10. Chi Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	67.070.000.000	67.070.000.000	75.007.736.334	112%
11. Chi khác ngân sách	471.000.000	471.000.000	1.810.494.000	
12. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			717.812.000	
13. Chi thực hiện Chương trình 30a			18.011.204.000	
III. Dự phòng ngân sách	4.049.000.000	4.049.000.000		
B. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			5.979.365.324	
C. Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN				
D. Chi nộp ngân sách cấp trên				

Ghi chú: (*) Chi dự phòng: 4.082.072.000 Đ đồng, được quyết toán ở các sự nghiệp; Chi quốc phòng: 594.259.000 đồng; Chi an ninh: 241.255.000 đồng; SN Giáo dục: 77.000.000 đồng; SN văn hóa - thông tin: 38.400.000 đồng; SN phát thanh - truyền hình: 10.000.000 đồng; SN thể dục, thể thao: 47.340.000 đồng; SN Y tế: 15.000.000 đồng; SN kinh tế: 144.220.000 đồng; SN môi trường: 25.000.000 đồng; SN QLHC, Đảng, Đoàn thể: 2.232.870.000 đồng; SN Bảo đảm xã hội: 656.728.000 đồng.

Handwritten signature/initials.




**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN ĐẮK RỪNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

S TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	7.050.000.000	7.050.000.000	17.550.813.414	249%	249%
1	Thu nội địa	7.050.000.000	7.050.000.000	17.550.813.414	249%	249%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách huyện	208.424.000.000	208.424.000.000	354.659.748.267	170%	170%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	6.050.000.000	6.050.000.000	17.347.783.646	287%	287%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	1.310.000.000	1.310.000.000	8.561.091.268	654%	654%
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách	4.740.000.000	4.740.000.000	8.786.692.378	185%	185%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	202.374.000.000	202.374.000.000	308.450.679.000	152%	152%
	- Bổ sung cân đối	202.374.000.000	202.374.000.000	202.374.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			106.076.679.000		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			5.232.668.730		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước			23.628.616.891		
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên					
6	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN					
C	Chi ngân sách huyện	208.424.000.000	208.424.000.000	331.639.086.574	159%	159%
1	Chi đầu tư phát triển	7.391.000.000	7.391.000.000	58.247.991.882	788%	788%
2	Chi thường xuyên	196.984.000.000	196.984.000.000	267.411.729.368	136%	136%
3	Dự phòng	4.049.000.000	4.049.000.000			
4	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương					
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			5.979.365.324		
6	Chi nộp ngân sách cấp trên					
7	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN					

26


QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN ĐAKRÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán địa phương	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	206.824.000.000	350.483.094.432	169%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	4.450.000.000	14.331.161.798	322%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	610.000.000	7.858.230.964	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách	3.840.000.000	6.472.930.834	169%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	202.374.000.000	308.450.679.000	152%
	- Bổ sung cân đối	202.374.000.000	202.374.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		106.076.679.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		22.468.584.904	
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		5.232.668.730	
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách cấp huyện	206.824.000.000	330.213.596.846	160%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho NS xã, phường, thị trấn)	150.262.000.000	271.413.187.846	181%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	56.562.000.000	58.800.409.000	
	- Bổ sung cân đối	56.562.000.000	56.562.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		2.238.409.000	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			
4	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện			
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	58.162.000.000	62.977.062.835	108%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.600.000.000	3.016.621.848	189%
	- Các khoản thu được hưởng 100%	700.000.000	702.860.304	100%
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	900.000.000	2.313.761.544	257%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	56.562.000.000	58.800.409.000	104%
	- Bổ sung cân đối	56.562.000.000	56.562.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		2.238.409.000	
3	Thu thu kết dư ngân sách năm trước		1.160.031.987	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			
5	Các khoản thu để lại để lại ĐV chi QL qua NSNN			
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	58.162.000.000	60.225.898.728	104%

24

24



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013
HUYỆN HƯỚNG HOÁ**

(Kèm theo Nghị quyết số AA/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán 2013		Quyết toán năm 2013	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
A	1	2	3	4=3/1	5=3/2
Tổng số	302.839.000.000	302.839.000.000	462.147.732.593	153%	153%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	27.650.000.000	27.650.000.000	81.953.690.240	296%	296%
I. Thu nội địa	27.650.000.000	27.650.000.000	81.953.690.240	296%	296%
<i>Trong đó: NSĐP hưởng</i>	<i>26.932.000.000</i>	<i>26.932.000.000</i>	<i>65.741.420.398</i>	<i>244%</i>	<i>244%</i>
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	18.410.000.000	18.410.000.000	21.871.579.551	119%	
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			227.788.900		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	220.000.000	49.840.400		
4. Thu tiền sử dụng đất	2.800.000.000	2.580.000.000	21.600.809.640		
5. Thu tiền cho thuê đất	100.000.000	100.000.000	66.585.000	67%	67%
6. Lệ phí trước bạ	4.500.000.000	4.500.000.000	9.484.969.396		
7. Thu phí, lệ phí	950.000.000	950.000.000	1.388.010.605		
+ Trung ương	718.000.000	718.000.000	813.949.736		
+ Tỉnh	0	0	182.469.200		
+ Huyện, xã, phường	232.000.000	232.000.000	391.591.669	169%	169%
8. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN					
9. Thuế thu nhập cá nhân	740.000.000	740.000.000	1.159.837.700	157%	157%
10. Thu khác ngân sách	150.000.000	150.000.000	25.552.907.048		
+ Thu phạt, tịch thu khác			1.566.517.214		
+ Thu bán, thanh lý tài sản					
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			7.603.982.500		
+ Các khoản thu đóng góp			13.727.783.000		
+ Thu hồi khoản chi năm trước			485.514.068		
+ Thu sự nghiệp					
+ Thu khác của ngành thuế					
+ Thu khác còn lại			2.169.110.266		
11. Thu tại xã			551.362.000		
+ Thu sự nghiệp					
+ Thu phạt, tịch thu			36.515.000		
+ Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			25.153.000		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng					
+ Thu hồi khoản chi năm trước					
+ Thu khác còn lại			489.694.000		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.189.000.000	275.189.000.000	345.618.169.000	126%	126%
- Thu bổ sung cân đối	275.189.000.000	275.189.000.000	275.189.000.000	100%	100%
- Thu bổ sung ngoài kế hoạch			70.429.169.000		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			22.819.056.098		
<i>Trong đó:</i>					
+ Kết dư ngân sách cấp huyện			15.084.452.278		
+ Kết dư ngân sách xã			7.734.603.820		
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			9.369.768.115		
E. Các khoản thu để lại ĐV chi quản lý qua NS			2.387.049.140		

26

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013

HUYỆN HƯƠNG HOÁ

(Kèm theo Nghị quyết số **11** /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán 2013		Quyết toán 2013	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh	QT/DT ĐP giao
A	1	2	3	4=3/1	5=3/2
Tổng số	302.121.000.000	302.121.000.000	421.908.605.668	140%	140%
A. Tổng chi cân đối NSDP	302.121.000.000	302.121.000.000	402.207.329.004	133%	133%
I. Chi đầu tư phát triển	12.775.000.000	15.110.000.000	45.751.456.800		
1. Chi đầu tư XDCB	12.775.000.000	15.110.000.000	33.722.504.800	264%	223%
- Chi XDCB tập trung	8.975.000.000	11.310.000.000	25.140.204.200	280%	222%
Trong đó: Chi thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	600.000.000	600.000.000	600.000.000		100%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	2.800.000.000	2.800.000.000	8.270.316.600	295%	295%
- Chi từ nguồn TW hỗ trợ có địa chỉ chi	1.000.000.000	1.000.000.000	311.984.000		31%
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM			1.500.000.000		
3. Chi CTMT QG Nông thôn mới			1.462.222.000		
4. Chi đầu tư thực hiện các chương trình, dự án			9.066.730.000		
II. Chi thường xuyên	283.925.000.000	282.131.000.000	356.455.872.204	126%	126%
1. Chi an ninh-quốc phòng	9.045.000.000	8.686.452.000	16.449.399.793	182%	189%
- Chi an ninh	7.643.000.000	6.968.132.000	11.506.806.315		
- Chi quốc phòng	1.402.000.000	1.718.320.000	4.942.593.478		
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	168.094.000.000	168.097.000.000	182.221.831.221	108%	108%
- Chi sự nghiệp giáo dục	166.995.000.000	166.998.000.000	180.005.468.021	108%	108%
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	1.099.000.000	1.099.000.000	2.216.363.200		
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	435.000.000	435.000.000	26.998.519.460		
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.573.000.000	1.573.000.000	2.324.375.594	148%	148%
5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.336.000.000	1.336.000.000	2.227.612.000	167%	167%
6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	816.000.000	816.000.000	2.920.683.400		
7. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	7.740.000.000	9.636.890.000	7.203.976.928	93%	75%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	10.721.000.000	10.687.016.000	7.052.632.851	66%	66%
9. Chi sự nghiệp môi trường	2.133.000.000	2.133.000.000	7.431.612.402		
10. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	81.403.000.000	78.101.642.000	96.422.954.110	118%	123%
11. Chi khác ngân sách	629.000.000	629.000.000	4.277.529.645		
12. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			924.744.800		
III Chi dự phòng ngân sách (*)	5.421.000.000	4.880.000.000			
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau			11.479.977.524		
C. Chi từ nguồn thu để lại q.lý qua NSNN			2.387.049.140		
D. Chi nộp trả ngân sách cấp trên (**)			5.834.250.000		

Ghi chú: (*) Chi dự phòng: 5.447.860.167 đồng được quyết toán ở các sự nghiệp, cụ thể: Quốc phòng: 1.468.800.000 đồng; chi QLNN: 2.679.940.167 đồng; chi SN VHHT: 115.200.000 đồng; Chi sự nghiệp tế: 522.600.000 đồng; chi SN MT: 548.000.000 đồng; chi ĐBXH: 113.320.000 đồng



**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN HƯỚNG HOÁ**

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

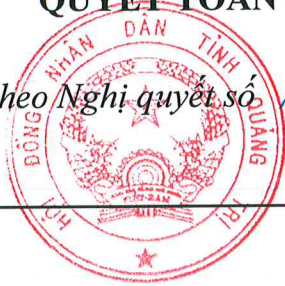
Đơn vị tính: Đồng

S T T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	27.650.000.000	27.650.000.000	81.953.690.240	296%	296%
1	Thu nội địa	27.650.000.000	27.650.000.000	81.953.690.240	296%	296%
B	Thu ngân sách địa phương	302.121.000.000	302.121.000.000	445.935.462.751	148%	148%
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	26.932.000.000	26.932.000.000	65.741.420.398	244%	244%
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.282.000.000	3.062.000.000	33.175.193.351		
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	23.650.000.000	23.870.000.000	32.566.227.047	138%	136%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	275.189.000.000	275.189.000.000	345.618.169.000		
	- Bổ sung cân đối	275.189.000.000	275.189.000.000	275.189.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			70.429.169.000		
3	Thu kết dư ngân sách năm trước			22.819.056.098		
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			9.369.768.115		
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			2.387.049.140		
C	Chi ngân sách địa phương	302.121.000.000	302.121.000.000	421.908.605.668	140%	140%
1	Chi đầu tư phát triển	12.775.000.000	15.110.000.000	45.751.456.800		
2	Chi thường xuyên	283.925.000.000	282.131.000.000	356.455.872.204	126%	126%
3	Dự phòng	5.421.000.000	4.880.000.000			
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau			11.479.977.524		
5	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			5.834.250.000		
6	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			2.387.049.140		

27

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN HƯỚNG HOÁ

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán địa phương giao	Quyết toán	So sánh QT/DT ĐP giao (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	298.854.000.000	430.382.977.247	144%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	23.665.000.000	57.923.538.714	245%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	2.713.000.000	32.150.278.451	
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.952.000.000	25.773.260.263	123%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	275.189.000.000	345.618.169.000	
	- Bổ sung cân đối	275.189.000.000	275.189.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		70.429.169.000	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		15.084.452.278	
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		9.369.768.115	
5	Các khoản thu để lại ĐV chi quản lý qua NSNN		2.387.049.140	
II	Chi ngân sách cấp huyện	298.854.000.000	414.408.448.290	139%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	222.242.092.000	322.812.717.426	145%
2	Bổ sung cho ngân sách xã	76.611.908.000	83.374.431.724	
	- Bổ sung cân đối	76.611.908.000	76.287.301.167	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		7.087.130.557	
3	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		5.834.250.000	
4	Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi quản lý qua NSNN		2.387.049.140	
B	Ngân sách cấp xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	79.878.908.000	98.926.917.228	124%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.267.000.000	7.817.881.684	
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	349.000.000	1.024.914.900	294%
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.918.000.000	6.792.966.784	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	76.611.908.000	83.374.431.724	
	- Bổ sung cân đối	76.611.908.000	76.287.301.167	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		7.087.130.557	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		7.734.603.820	
4	Các khoản thu để lại ĐV chi quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách xã	79.878.908.000	90.874.589.102	114%

26